TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS- ST
Ngày: 28/4/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Hòa
2. Bà Trương Thị Hồng Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên toà.

Ngày 28/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2022/TLST- DS, ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST – DS ngày 19/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Xuân H, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, Thanh Hóa.

Bị đơn:

- Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1979
- Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa vắng mặt ông H, anh T, chị C (Ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T và chị C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lí do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Trần Xuân H trình bày:

Ngày 25/8/2013 vợ, chồng anh Nguyễn Đình T và chị Nguyễn Thị C có vay của ông số tiền 40.000.000 đồng thời hạn trả nợ là ngày 25/01/2014 lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,2% mỗi tháng. Đến ngày 21/9/2013 anh T và chị C tiếp tục vay của ông số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 21/3/2014, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,5% mỗi tháng. Quá trình vay nợ chị C và anh T mới trả cho ông được 10.000.000 đồng tiền lãi. Khi hết hạn các khoản vayy ông đã đòi tiền nhiều lần nhưng chị C và anh T vẫn cố tình không trả nợ cho ông. Đến ngày 19/4/2020 sau nhiều lần đòi nợ không được hai bên thỏa thuận chốt nợ số tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng và chị C và anh T cam kết mỗi tháng sẽ trả cho ông số tiền 2.000.000 đồng. Tuy nhiên sau khi cam kết chị C và anh T vẫn cố tình không trả nợ cho ông. Đến nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị C và anh T phải trả cho ông tổng số tiền là 90.000.000 đồng.

Tại văn bản ghi ý kiến ngày ngày 24/10/2022 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Đình T và chị Nguyễn Thị C trình bày:

Anh chị có vay của ông H sau đó hai bên chốt nợ và thống nhất số tiền nợ là 90.000.000 đồng và mỗi tháng anh chị sẽ trả cho ông H 2.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận có tháng anh chị trả nhiều, có tháng anh chị trả ít vì thu nhập thấp phải nuôi con ăn, học và thường xuyên ốm đau nên phải chi phí đi bệnh viện. Do đó anh, chị có xin ông H trả dần theo phương thức, tháng có nhiều sẽ trả nhiều có ít sẽ trả ít còn tháng nào không có sẽ điện cho ông H xin khất lại. Tuy nhiên ông H không đồng ý và khởi kiện đến Tòa án. Đến nay anh, chị có ý kiến xin được trả nợ dần cho ông H đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông H với chị C và anh T đang tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" do chị C và anh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là chị C và anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành. Anh T1 và chị C được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Ông H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt ông H, chị C và anh T1.

[2]. Việc anh T1 và chị C vay tiền của ông H, tổng số tiền là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) được thể hiện trong giấy vay tiền mà ông H giao nộp cho Tòa án. Trong giấy vay tiền ghi rõ số tiền vay, ngày vay tiền, ngày trả nợ, phương thức trả nợ và có chữ ký (ghi rõ họ tên) của người vay là anh T1 và chị C. Việc này, bản thân anh T1 và chị C cũng thừa nhận. Như vậy hợp đồng vay tài sản giữa các bên đã được xác lập bằng văn bản, là hợp đồng hợp pháp.

[3]. Trong giấy vay tiền hai bên thỏa thuận với nhau, thời hạn trả nợ của khoản vay là bắt đầu từ năm 2020. Đến nay thời hạn trả nợ đã hết anh T1 và chị C mới trả được 10.000.000 đồng tiền lãi và còn nợ lại số tiền gốc là 90.000.000 đồng, ông H khởi kiện yêu cầu anh T1 và chị C phải trả số tiền gốc là 90.000.000đ và không yêu cầu trả tiền lãi. Yêu cầu của ông H là phù hợp với thỏa thuận mà hai bên đã giao kết và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông H. Buộc chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Đình T phải có trách nhiệm trả cho ông H số tiền gốc đã vay là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

[4] Về án phí: Do yêu cầu của ông H được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Đình T phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 463; Khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Đình T phải trả cho ông Trần Xuân H số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng)

Kể từ khi ông Trần Xuân H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, hàng tháng chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Đình T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Đình T phải chịu 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí DSST. Trả lại cho ông Trần Xuân H số tiền là 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí DSST mà ông H đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0007821 ngày 14/10/2022.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt ông Trần Xuân H, anh Nguyễn Đình T, chị Nguyễn Thị C. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Đinh Văn Tân **Nguyễn Thị Hà** **Bùi Văn Hải**